

# KHAI THÁC ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG LÀM VIỆC NHÓM, NGHIÊN CỨU, SÁNG TẠO HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

VÕ HỒNG CẨM

Phân hiệu Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam  
tại TP. Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 10/01/2026. Sửa chữa xong 25/02/2026. Duyệt đăng 26/02/2026.

## Abstract

This study assesses the extent to which digital transformation applications are used in History learning and examines influencing factors related to schools, students, parents, and infrastructure, based on data from 1,728 high school students in Ca Mau Province. The findings provide evidence on how digital transformation applications are leveraged to support group work, research activities, and creative learning in History. On this basis, the study proposes recommendations to enhance the effectiveness of digital technology adoption, thereby improving the quality of History education in the context of ongoing educational innovation.

**Keywords:** Application exploitation, creativity, digital transformation, high school students, History subject.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và đổi mới với các thách thức an ninh phi truyền thống, chuyển đổi số đã trở thành chiến lược đột phá hàng đầu, là động lực chính để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt ở cấp trung học phổ thông (THPT), là giải pháp then chốt giúp học sinh (HS) tiếp cận tri thức nhanh chóng, phát huy tối đa khả năng tự học và tư duy sáng tạo, thích ứng với xã hội số. Theo Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị (2024) đã xác định: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới” [2]. Việc khai thác ứng dụng chuyển đổi số trong học tập môn Lịch sử không chỉ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mà còn góp phần thực hiện chủ trương, chiến lược của Đảng về phát triển đất nước.

Ở nước ta hiện nay, chuyển đổi số đã và đang là một định hướng phát triển chiến lược ở tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội. Quyết định số 749/QĐ-TTg của Chính phủ về Chương trình chuyển đổi quốc gia đến 2025 đã nêu: “Một cơ quan, tổ chức có thể tiến hành chuyển đổi số thông qua việc sử dụng nguồn lực, hệ thống kỹ thuật sẵn có để số hóa toàn bộ tài sản thông tin của mình, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số” [5].

Môn Lịch sử đóng vai trò quan trọng trong việc trang bị kiến thức về cội nguồn dân tộc, giá trị truyền thống, và bồi dưỡng lòng yêu nước, ý chí độc lập tự cường. Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) đã xác định rõ sự cần thiết của việc đổi mới phương pháp dạy học để hình thành và phát triển năng lực tìm hiểu, nhận thức, tư duy Lịch sử ở HS. Do đó, việc đổi mới phương pháp dạy học Lịch sử ở trường THPT, đảm bảo tính thực tiễn và phát huy tính tích cực,

Email: hongcamph@gmail.com

DOI: 10.64410/AYZK8602

chủ động của HS, trở thành yêu cầu cấp bách.

Giáo dục Lịch sử là một trong những lĩnh vực quan trọng trong chương trình giáo dục của các quốc gia trên thế giới, giữ vai trò quan trọng trong giáo dục năng lực và phẩm chất cho người học. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy trong phổ thông cho thấy, các môn xã hội, trong đó có môn Lịch sử, không được nhiều HS yêu thích, mà phần lớn nguyên nhân là do cách dạy học môn học này nhà trường. Cách dạy Lịch sử theo kiểu truyền thống với một loạt bài giảng, đọc sách giáo khoa, ghi nhớ và làm bài kiểm tra gây nhàm chán cho HS và không tạo hứng thú để các em học tập Lịch sử một cách thực sự [7], khiến cho HS khó có được khả năng tư duy bậc cao nhất duy Lịch sử [1]. Do đó, dạy học Lịch sử cần khuyến khích HS suy nghĩ về Lịch sử, bao gồm cả việc phân tích và giải thích các sự kiện lịch sử trên cơ sở các nguồn sử liệu, tạo cơ hội để các em xây dựng hiểu biết của mình về quá khứ và phê bình quá khứ [7]. Đó chính là tạo cơ hội để giáo dục HS một trong những năng lực quan trọng mà giáo dục Lịch sử cần hướng đến, năng lực tư duy Lịch sử.

Một yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Lịch sử và Địa lí được thể hiện trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 là: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hợp lí và có hiệu quả các thiết bị dạy học như: Mô hình hiện vật, tranh lịch sử, ảnh, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử; Bản đồ, sơ đồ, các bản thống kê, so sánh; Phim video; Các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; Phần mềm dạy học nhằm minh họa bài giảng của giáo viên và hỗ trợ các hoạt động học tập của HS [4]. Việc yêu cầu giáo viên đẩy mạnh công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng các phương pháp kĩ thuật dạy học, các thiết bị dạy học hiện đại đã thể hiện mục đích phát triển năng lực số cho HS qua môn Lịch sử và Địa lí.

Tỉnh Cà Mau, với đặc điểm địa lý xa xôi, địa hình kênh rạch phức tạp và hạ tầng giao thông hạn chế, đang đối mặt với thách thức lớn trong việc rút ngắn khoảng cách giáo dục và cơ hội tiếp cận tài nguyên chất lượng. HS vùng sâu, vùng xa có cơ hội tham gia các chuyến đi thực tế, thăm quan di tích hoặc tiếp cận thư viện hiện đại thấp hơn đáng kể [6]. Trong bối cảnh này, chuyển đổi số là giải pháp cực kỳ cấp thiết, giúp phá vỡ rào cản địa lý, dân chủ hóa giáo dục, và biến môn Lịch sử thành trải nghiệm trực quan, sinh động hơn, kích thích niềm yêu thích và phát triển tư duy phản biện cho HS.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung vào mô tả và phân tích về kiến thức, mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của việc khai thác ứng dụng chuyển đổi số trong học tập môn Lịch sử của HS THPT trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi**

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua phiếu khảo sát và phương pháp nghiên cứu định tính với kỹ thuật phỏng vấn sâu cá nhân để bổ trợ cho kết quả nghiên cứu định lượng.

Nội dung: Thực hiện khảo sát trên mẫu 1.728 HS trường THPT đang theo học tại 05 trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Đánh giá mức độ khai thác ứng dụng chuyển đổi số trong học tập môn Lịch sử cho HS khi tiếp cận và sử dụng các thiết bị công nghệ của HS (điện thoại, máy tính, Internet). Khảo sát tần suất và hình thức khai thác ứng dụng chuyển đổi số vào các hoạt động học tập môn Lịch sử cho HS cụ thể như: học trực tuyến, tìm kiếm tài liệu, làm bài tập và tương tác nhóm. Thu thập ý kiến về những thuận lợi, khó khăn, và các giải pháp mong muốn trong quá trình này.

Cách thức thực hiện: Dựa trên cơ sở lý luận và những vấn đề thực tế đã xác định, nhóm nghiên cứu đã soạn thảo một bộ phiếu khảo sát chi tiết. Bộ phiếu này sử dụng thang đo Likert 4 mức điểm, kết hợp cả câu hỏi định tính và định lượng để thu thập thông tin từ HS THPT trên địa bàn tỉnh Cà Mau, thông qua phương thức trực tuyến.

### **2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu**

Nghiên cứu nhằm thu thập thông tin định tính, đi sâu vào những vấn đề mà phương pháp điều tra bằng bảng hỏi chưa làm rõ được.

Nội dung: Thực hiện tìm hiểu chi tiết về việc khai thác ứng dụng chuyển đổi số trong học tập môn lịch sử cho HS THPT của cán bộ quản lý, giáo viên và HS trong việc ứng dụng chuyển đổi số trong dạy và học. Khám phá các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai và quản lý chuyển đổi số tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Lắng nghe những đề xuất, kiến nghị từ các bên liên quan để tìm ra giải pháp phù hợp.

Cách thức thực hiện: Xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn chi tiết, phù hợp với từng nhóm đối tượng. Tiến hành phỏng vấn sâu 15 cán bộ, giáo viên và 30 HS từ lớp 10 đến lớp 12 tại 05 trường THPT trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Thực hiện ghi âm (với sự đồng ý của người được phỏng vấn) và ghi chép lại các câu trả lời để phân tích sau này.

### 3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung vào việc khai thác ứng dụng chuyển đổi số trong học tập môn Lịch sử và đề xuất các giải pháp tối ưu nhất giúp cho HS tiếp cận một cách toàn diện nhất về việc ứng dụng chuyển đổi số trong học tập môn Lịch sử cho HS THPT trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

#### 3.1. Học sinh trung học phổ thông ứng dụng công nghệ số trong làm việc nhóm và trao đổi trong học tập môn Lịch sử

Khác với việc tra cứu cá nhân hay ôn luyện cho kỳ thi, tương tác và làm việc nhóm bằng công nghệ số chính là thước đo quan trọng về khả năng hợp tác và giao tiếp số của HS, một kỹ năng cốt lõi trong thời đại chuyển đổi số. Làm việc nhóm và trao đổi học tập môn Lịch sử là minh chứng rõ ràng nhất cho khả năng tận dụng công nghệ để mở rộng không gian học tập ngoài lớp học. Bảng 1 dưới đây sẽ cung cấp dữ liệu định lượng, cho phép chúng ta đánh giá mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động hợp tác nhóm, từ đó rút ra nhận định về tầm ảnh hưởng của công cụ số đối với khả năng giao tiếp và làm việc tập thể của HS THPT.

Bảng 1: Mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của HS khi ứng dụng chuyển đổi số trong làm việc nhóm, trao đổi trong học tập môn Lịch sử

Tỷ lệ: %

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện				Mức độ hiệu quả			
		Chưa bao giờ	Thỉnh thoảng (3 lần/kỳ)	Thường xuyên (6 lần/kỳ)	Rất thường xuyên (10 lần/kỳ)	Không hiệu quả	Ít hiệu quả	Hiệu quả	Rất hiệu quả
1	Sử dụng các công cụ giao tiếp trực tuyến (Zalo, Messenger, Teams) để trao đổi bài học môn Lịch sử.	13.3	31.9	33.4	21.4	11.4	17.8	49.4	21.4
2	Làm việc nhóm trên các nền tảng để chia sẻ tài liệu số (Google Docs, Drive) cho nhau.	14.0	38.1	31.9	16.0	12.2	22.3	49.4	16.2
3	Ứng dụng công nghệ số tổ chức họp nhóm online ( Zoom, Google Meet).	16.3	36.6	31.9	15.2	12.5	20.5	49.4	17.6
4	Thu thập ý kiến các thành viên nhóm về nội dung bài học lịch sử thông qua công cụ khảo sát, bình chọn trực tuyến (Google Forms, Mentimeter).	15.4	35.7	33.0	15.9	12.3	21.6	48.8	17.3
5	Xây dựng kho dữ liệu chung của nhóm để chia sẻ các tài liệu học tập lịch sử.	15.8	36.6	32.0	15.6	12.4	21.1	50.6	15.9

Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 12 năm 2025

Kết quả khảo sát bảng 1 về mức độ thực hiện ứng dụng chuyển đổi số trong làm việc nhóm và trao đổi môn Lịch sử cho thấy HS ưu tiên các công cụ trao đổi tức thời và lưu trữ thông tin cơ bản hơn là

các hoạt động mang tính tổ chức và phân tích dữ liệu nhóm chuyên sâu. Cụ thể, hoạt động “sử dụng các công cụ giao tiếp trực tuyến (Zalo, Messenger, Teams) để trao đổi bài học môn Lịch sử” có tỷ lệ thực hiện thường xuyên và rất thường xuyên cao nhất (chiếm 54.8%), khẳng định vai trò chủ đạo của các nền tảng mạng xã hội và giao tiếp phổ thông trong việc kết nối nhóm. Tương tự, hoạt động “làm việc nhóm trên các tiện ích để chia sẻ tài liệu số (Google Docs, Drive) cho nhau” cũng được thực hiện khá thường xuyên và rất thường xuyên (chiếm 47.9%), chứng tỏ HS đã quen thuộc với việc lưu trữ và cộng tác trên đám mây. Tuy nhiên, các hoạt động đòi hỏi tính tổ chức chuyên nghiệp và hệ thống hóa như “ứng dụng công nghệ số để tổ chức họp nhóm online (Zoom, Google Meet)” có tỷ lệ thường xuyên và rất thường xuyên cao (chiếm 47.1%) hay “thu thập ý kiến các thành viên nhóm về nội dung bài học lịch sử thông qua công cụ khảo sát” có tỷ lệ thường xuyên và rất thường xuyên (chiếm 48.9%) cho thấy HS vẫn chưa tận dụng hết tiềm năng của công nghệ số để nâng cao tính chính thức và hiệu quả trong quy trình làm việc nhóm.

Cũng từ kết quả khảo sát bảng 1, về mức độ hiệu quả, HS đánh giá rất cao tất cả các hoạt động ứng dụng công nghệ số trong làm việc nhóm, cho thấy sự công nhận rõ ràng về vai trò của công nghệ trong việc kết nối và quản lý công việc chung. Tất cả năm hoạt động đều được đánh giá là hiệu quả và rất hiệu quả với tổng tỷ lệ vượt trên 60%. Cụ thể, hoạt động “sử dụng các công cụ giao tiếp trực tuyến (Zalo, Messenger...)” đạt tổng tỷ lệ hiệu quả và rất hiệu quả chiếm cao nhất (chiếm 70.8%), nhấn mạnh tính tiện lợi và tốc độ là yếu tố quan trọng nhất đối với làm việc nhóm. Điều đáng chú ý là ngay cả hoạt động có tính chuyên môn hóa cao như “xây dựng kho dữ liệu chung của nhóm để chia sẻ các tài liệu học tập lịch sử” cũng đạt tổng tỷ lệ hiệu quả cao (chiếm 66.5%). Sự đồng thuận về mức độ hiệu quả này khẳng định rằng HS hoàn toàn nhận thức được công nghệ số giúp họ tiết kiệm thời gian, vượt qua rào cản địa lý và tăng cường sự phối hợp giữa các thành viên, từ đó cải thiện chất lượng của bài làm nhóm môn Lịch sử. Theo kết quả phỏng vấn sâu (PVS, Nữ, giáo viên, Trường THPT Viên An) cho hay: “HS đã bước đầu làm quen và nhận thức rõ lợi ích của công nghệ trong môn Lịch sử, đặc biệt là việc làm việc nhóm. Tuy nhiên, mức độ thực hiện vẫn chưa đồng đều và mang tính tự phát. Với vai trò giáo viên, tôi cần thúc đẩy nhóm HS còn thụ động tham gia tích cực hơn để chuyển đổi số thực sự đi vào chiều sâu”. Bên cạnh đó, (PVS, Nam, HS, Trường THPT Võ Thị Hồng) nói rằng: “Với em, việc dùng công nghệ giúp học Sử bớt khô khan và làm việc nhóm tiện lợi hơn hẳn, nhất là khâu lưu trữ dữ liệu chung. Tuy nhiên, dù thấy hiệu quả rõ rệt nhưng chúng em vẫn chưa duy trì được thói quen sử dụng thường xuyên. Một số bạn vẫn còn lúng túng hoặc ngại thay đổi so với cách học truyền thống”.

Tóm lại, việc ứng dụng chuyển đổi số trong làm việc nhóm môn Lịch sử đang phát triển mạnh mẽ và được HS đánh giá hiệu quả rất cao, chủ yếu thông qua các công cụ trao đổi tức thời và chia sẻ tài liệu đơn giản. Tuy nhiên, có sự chênh lệch giữa việc ưu tiên sử dụng các công cụ giao tiếp phổ thông và việc thực hiện các hoạt động mang tính tổ chức, khảo sát ý kiến và hệ thống hóa dữ liệu chuyên nghiệp. Sự chênh lệch này cho thấy HS cần được hướng dẫn và khuyến khích sử dụng các công cụ tổ chức và thu thập thông tin nhóm một cách bài bản hơn (như Google Forms, Mentimeter), để chuyển đổi các buổi làm việc nhóm từ việc đơn thuần trao đổi thông tin sang quản lý dự án và phân tích dữ liệu hiệu quả hơn, từ đó khai thác triệt để tiềm năng của công nghệ số trong hoạt động học tập hợp tác.

### **3.2. Ứng dụng chuyển đổi số trong nghiên cứu, sáng tạo học tập môn Lịch sử cho học sinh trung học phổ thông**

Bên cạnh khảo sát các hoạt động học tập thường nhật (tra cứu, thi cử, làm nhóm), còn đi sâu vào khía cạnh cao hơn, đó là ứng dụng chuyển đổi số trong nghiên cứu khoa học và sáng tạo môn Lịch sử. Đây là minh chứng cho thấy công nghệ số có thể nâng tầm tư duy HS từ việc tiếp thu kiến thức thụ động sang chủ động, tạo ra tri thức mới. Bảng 2 sẽ phân tích mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của việc sử dụng các công cụ chuyên sâu (như thư viện số, phần mềm phân tích) trong nghiên cứu khoa học, qua đó làm rõ vai trò của công nghệ số trong việc thúc đẩy năng lực nghiên cứu khoa học liên quan đến môn học Lịch sử của HS, như sau:

Bảng 2: Mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của HS khi ứng dụng chuyển đổi số trong nghiên cứu khoa học liên quan đến môn học Lịch sử của HS

Tỷ lệ: %

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện				Mức độ hiệu quả			
		Chưa bao giờ	Thỉnh thoảng (3 lần/kỳ)	Thường xuyên (6 lần/kỳ)	Rất thường xuyên (10 lần/kỳ)	Không hiệu quả	Ít hiệu quả	Hiệu quả	Rất hiệu quả
1	Sử dụng các cơ sở dữ liệu học thuật số và thư viện số (Google Scholar, các kho lưu trữ điện tử) liên quan đến môn Lịch sử.	16.4	39.6	31.3	12.7	18.1	33.5	34.5	13.9
2	Thực hiện nghiên cứu, thu thập thông tin về môn Lịch sử trên Google Form.	16.0	38.3	31.3	14.4	17.1	32.9	36.5	13.5
3	Thiết kế các ấn phẩm, mô hình không gian số về môn học Lịch sử trong quá trình thực hiện nghiên cứu.	19.2	38.8	28.7	13.3	18.3	33.2	35.0	13.5
4	Sử dụng các công cụ số trong theo dõi tiến độ nghiên cứu khoa học.	17.7	39.5	28.2	14.6	17.5	32.7	35.7	14.1
5	Sử dụng các phần mềm chuyên dụng (công cụ phân tích văn bản, phần mềm thống kê) để xử lý và phân loại các nguồn sử liệu phục vụ cho việc đánh giá độ tin cậy trong nghiên cứu lịch sử.	14.8	38.6	31.7	14.9	17.4	32.5	36.1	14.0
6	Công bố hoặc trình bày kết quả nghiên cứu khoa học lịch sử dưới dạng báo cáo đa phương tiện (sử dụng video, infographic, website tương tác).	17.1	39.7	29.9	13.3	17.1	32.2	36.6	14.1
7	Sử dụng các nền tảng E-learning/LMS (Google Classroom, Moodle) để nộp bài, nhận xét và trao đổi phản hồi với giáo viên về các nội dung của môn học Lịch sử.	20.3	37.3	29.6	12.8	20.5	32.8	34.6	13.1

(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 12 năm 2025)

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy mức độ thực hiện ứng dụng chuyển đổi số trong nghiên cứu khoa học môn Lịch sử vẫn chưa phải là thói quen phổ biến của HS THPT, với tần suất thực hiện thường xuyên ở mức thấp và tỷ lệ chưa bao giờ đáng kể. Cụ thể, hoạt động “sử dụng các cơ sở dữ liệu học thuật và thư viện số (Google Scholar, các kho lưu trữ điện tử) liên quan đến môn Lịch sử” có tỷ lệ chưa bao giờ cao nhất (chiếm 39.6%), thể hiện sự thiếu tiếp cận hoặc thiếu kỹ năng trong việc sử dụng các nguồn thông tin hàn lâm. Tương tự, việc “thiết kế các ấn phẩm, mô hình lịch sử trong quá trình thực hiện nghiên cứu” cũng có 57.2% HS chưa bao giờ và thỉnh thoảng thực hiện. Ngay cả hoạt động có tính ứng dụng cao là “sử dụng các nền tảng E-Learning (Google Classroom, Moodle) để nộp bài, nhận xét và trao đổi” có tới 57,6% HS chưa bao giờ và thỉnh thoảng thực hiện. Các hoạt động khác như thu thập thông tin và sử dụng phần mềm chuyên dụng đều có tỷ lệ thực hiện thường xuyên và rất thường xuyên chiếm tỷ lệ thấp dưới 50%. Điều này cho thấy việc ứng dụng công nghệ số vào nghiên cứu khoa học lịch sử đang gặp rào cản lớn về tính phức tạp của công cụ, kỹ năng tìm kiếm nguồn học thuật, và sự tích hợp vào chương trình học chính thức.

Trái ngược với mức độ thực hiện khiêm tốn, HS lại đánh giá mức độ hiệu quả khá cao đối với hầu hết các hoạt động nghiên cứu khoa học. Các hoạt động được đánh giá hiệu quả và rất hiệu quả đều đạt tổng tỷ lệ trên 45%. Đặc biệt, hoạt động “sử dụng các phần mềm chuyên dụng (công cụ phân tích văn bản, phần mềm thống kê) để xử lý và phân loại các nguồn sử liệu” có tỷ lệ hiệu quả và rất hiệu quả đạt tổng cộng 50.1%. Tương tự, “thực hiện nghiên cứu, thu thập thông tin về môn Lịch sử trên Google Form” cũng đạt tổng cộng 50.0%. Ngay cả hoạt động có tỷ lệ chưa bao giờ cao nhất là “sử dụng các cơ sở dữ liệu học thuật và thư viện số” vẫn được đánh giá là có tổng hiệu quả cao (chiếm 48.4%). Sự công nhận này chứng tỏ HS nhận thức được lợi ích và sự cần thiết của công nghệ số trong việc xử lý, phân tích dữ liệu, và quản lý quy trình nghiên cứu khoa học lịch sử một cách chuyên nghiệp và có hệ thống, mặc dù họ đang thiếu cơ hội hoặc kỹ năng để thực hiện chúng thường xuyên. Theo kết quả phỏng vấn sâu (PVS, Nữ, cán bộ quản lý, Trường THPT Nguyễn Văn Nguyễn): “Với tư cách quản lý, tôi nhận thấy HS bước đầu tiếp cận công cụ số trong nghiên cứu Lịch sử nhưng tần suất còn thấp, chủ yếu dừng ở mức thỉnh thoảng. Dù đa số đánh giá có hiệu quả,

nhưng sự chênh lệch giữa các kỹ năng còn lớn. Nhà trường cần tăng cường đào tạo bài bản để đưa việc ứng dụng công nghệ đi vào chiều sâu và đồng bộ hơn". Ngoài ra (PVS, Nam, HS, Trường THPT Khánh Lâm) nói rằng: "Với tư cách là HS, em thấy việc ứng dụng công nghệ giúp các đề tài nghiên cứu Lịch sử trở nên chuyên nghiệp và sinh động hơn nhiều. Tuy nhiên, thực tế chúng em mới chỉ sử dụng ở mức độ cầm chừng, chủ yếu là thỉnh thoảng vì các kỹ năng như phân tích dữ liệu hay thiết kế không gian số còn khá khó. Dù thấy hiệu quả, nhưng nếu không có sự hướng dẫn sát sao của thầy cô, chúng em rất dễ lúng túng khi thao tác".

Nhìn chung, việc ứng dụng chuyển đổi số vào nghiên cứu khoa học môn Lịch sử cho thấy một khoảng cách lớn giữa nhận thức về lợi ích và hành vi thực tế. Mặc dù HS nhận thấy các công cụ số giúp quá trình nghiên cứu khoa học trở nên chuyên nghiệp, có hệ thống và dễ dàng hơn trong việc xử lý dữ liệu phức tạp, nhưng việc thiếu kiến thức về kỹ năng tìm kiếm nguồn học thuật và thiếu cơ hội sử dụng các phần mềm chuyên dụng đã trở thành rào cản chính. Do đó, để thúc đẩy HS THPT tham gia nghiên cứu khoa học, giải pháp cần tập trung vào việc đào tạo kỹ năng tra cứu chuyên sâu (sử dụng Google Scholar, thư viện số), tích hợp các công cụ phân tích dữ liệu và nền tảng E-Learning vào các dự án nghiên cứu cụ thể, thay vì chỉ đơn thuần giới thiệu về công nghệ số.

### 3.3. Bàn luận

Nghiên cứu chỉ ra sự mất cân bằng lớn giữa nhận thức và hành vi trong ứng dụng chuyển đổi số môn Lịch sử ở THPT Cà Mau. HS đánh giá rất cao hiệu quả của công nghệ trong mọi hoạt động. Tuy nhiên, mức độ thực hiện chỉ tập trung vào các công cụ giao tiếp phổ thông và tiêu thụ nội dung (Zalo, Messenger, video). Các hoạt động đòi hỏi kỹ năng chuyên sâu như việc sử dụng thư viện số (Google Scholar), nền tảng E-Learning (Google Classroom), hoặc phần mềm phân tích lại có tần suất thực hiện rất thấp. Tỷ lệ HS ít sử dụng hoặc chưa sử dụng các nền tảng E-Learning chiếm tới 57,6%. Sự chênh lệch này cho thấy rào cản chính nằm ở kỹ năng chuyên môn hóa và thiếu tính tích hợp bài bản, không phải do HS không nhận thức được lợi ích. Để khai thác triệt để tiềm năng của chuyển đổi số, giải pháp cấp thiết cho địa bàn Cà Mau cần tập trung vào đào tạo kỹ năng số chuyên sâu và tích hợp các công cụ hệ thống hóa kiến thức vào bài tập thường xuyên.

### 4. Kết luận

Việc ứng dụng chuyển đổi số trong học tập môn Lịch sử của HS THPT Cà Mau cho thấy sự mất cân bằng giữa nhận thức và hành vi. HS đánh giá rất cao hiệu quả của công nghệ số trong tất cả các hoạt động, từ tra cứu, ôn tập đến làm việc nhóm và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, mức độ thực hiện lại chỉ tập trung vào các công cụ tiêu thụ nội dung (video, phim tài liệu) và giao tiếp phổ thông (Zalo, Messenger). Các hoạt động đòi hỏi kỹ năng sáng tạo (sử dụng AI, Mind mapping) hoặc nghiên cứu chuyên sâu (thư viện số, phần mềm phân tích) lại có tần suất thực hiện thấp. Do đó, giải pháp cần tập trung vào việc gỡ bỏ rào cản thực tế, tăng cường đào tạo kỹ năng số chuyên sâu và tích hợp các công cụ hệ thống hóa kiến thức vào bài tập thường xuyên. Khi đó, các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý có thể khai thác triệt để tiềm năng của công nghệ số, nâng cao chất lượng dạy và học Lịch sử, đồng thời trang bị kỹ năng số cần thiết cho HS THPT trong kỷ nguyên mới.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Asyrul Fikri, Mahdum, & Isjoni (2022). *The development of local history learning model based on progressivism to promote historical thinking skills*. Ta'dib, 25(1), 105–116. <https://doi.org/10.31958/jt.v25i1.5831>.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). *Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT, ngày 22/4/2016 về "Quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng"*.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí*.
- [5] Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 3/6/2020 ban hành Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- [6] Cổng thông tin điện tử tỉnh Cà Mau (2025). *Điều kiện tự nhiên*. Nguồn: <https://www.camau.gov.vn/dieu-kien-tu-nhien>, truy cập ngày 15/01/2026.
- [7] Waring, S. M., & Robinson, K. S. (2010). *Developing critical and historical thinking skills in middle grades social studies*. Middle School Journal, 42(1), 22–28. <https://doi.org/10.1080/00940771.2010.11461747>.